

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /2017/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 19 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về Quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh Hà Nam
đến năm 2025, định hướng đến năm 2035

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 124/2012/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 22 tháng 07 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 08 tháng 4 năm 2016 của Tỉnh ủy Hà Nam về việc đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, tạo đột phá phát triển nhanh, bền vững nông nghiệp, nông thôn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035;

Xét Tờ trình số 1743/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng; chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp hợp lý, tăng tỷ trọng chế biến, dịch vụ; nâng cao giá trị sản phẩm, thu nhập và mức sống của người lao động khu vực nông thôn nói chung, người nông dân nói riêng. Tập trung phát triển một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh; thay

đổi phương thức sản xuất - tiêu thụ truyền thống sang phương thức liên kết chuỗi giá trị với các sản phẩm chủ lực có thương hiệu đáp ứng nhu cầu thị trường.

2. Mục tiêu cụ thể (xác định trên cơ sở số liệu gốc do Tổng cục thống kê thông báo tháng 6/2017):

2.1. Đến năm 2020:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 – 2020: 3,3%/năm (theo giá so sánh 2010).

- Cơ cấu ngành: Trồng trọt - lâm nghiệp 35,2%; Chăn nuôi - thủy sản 57,8%; Dịch vụ nông nghiệp 7,0% (theo giá hiện hành)

- Giá trị sản xuất trên diện tích đất canh tác: Giá trị sản xuất bình quân lĩnh vực trồng trọt đạt 250 triệu đồng/ha. Giá trị sản xuất bình quân lĩnh vực nuôi trồng thủy sản đạt 310 triệu đồng/ha (theo giá hiện hành).

- Tổng diện tích đất nông nghiệp toàn tỉnh đến năm 2020 là 46.956 ha.

2.2. Đến năm 2025:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 – 2025: 4,0%/năm (theo giá so sánh 2010).

- Cơ cấu ngành: Trồng trọt - lâm nghiệp 30,0%; Chăn nuôi - thủy sản 60,0%; Dịch vụ nông nghiệp 10,0% (theo giá hiện hành).

- Giá trị sản xuất trên diện tích đất canh tác: Giá trị sản xuất bình quân lĩnh vực trồng trọt đạt 350 triệu đồng/ha. Giá trị sản xuất bình quân lĩnh vực nuôi trồng thủy sản đạt 500 triệu đồng/ha (theo giá hiện hành).

- Tổng diện tích đất nông nghiệp toàn tỉnh đến năm 2025 là 43.550 ha.

2.3. Định hướng đến năm 2035:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2026 - 2035 đạt 3,5%/năm (theo giá so sánh 2010).

- Cơ cấu ngành: Trồng trọt - lâm nghiệp 25,0%; Chăn nuôi - thủy sản 64,5%; Dịch vụ nông nghiệp 10,5% (theo giá hiện hành).

- Giá trị sản xuất trên diện tích canh tác: 500 triệu đồng/ha/năm (theo giá hiện hành).

II. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1. Quy hoạch phát triển trồng trọt:

a) Sản xuất lúa: Đến năm 2020: sản lượng đạt 358.100 tấn. Đến năm 2025: sản lượng đạt 331.000 tấn. Tập trung phát triển các vùng sản xuất lúa chất lượng cao, theo hướng tăng dần về diện tích, đến năm 2025 đạt 27.500 ha; tập trung phần lớn trên địa bàn các huyện Bình Lục, Lý Nhân, Thanh Liêm và một số xã trên địa bàn huyện Duy Tiên, Kim Bảng, Phủ Lý.

III. MỘT SỐ NHÓM NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục rà soát, cụ thể hóa các quy hoạch chi tiết trong từng lĩnh vực (quy hoạch thủy lợi, quy hoạch làng nghề, quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...); sơ tổng kết, đánh giá kết quả việc thực hiện các đề án, chương trình trọng tâm để bổ sung, điều chỉnh đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển nông nghiệp.

2. Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh các cơ chế chính sách theo hướng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp; đào tạo nghề cho lao động nông thôn và cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất khác theo các chương trình, đề án, dự án cụ thể. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.

3. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại để thúc đẩy tiếp cận thị trường cả trong nước và quốc tế, tạo đầu ra cho nông sản hàng hóa. Xây dựng thương hiệu hàng hóa, mở rộng thị trường đối với một số mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực tỉnh có ưu thế và sức cạnh tranh trên thị trường như: sữa sạch, thịt lợn sạch, rau, củ, quả sạch....Đẩy mạnh việc xây dựng, nhân rộng mô hình liên kết nâng cao giá trị sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt mô hình liên kết từ việc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm. Phát huy hiệu quả mô hình sản xuất đa canh trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Tập trung nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp; ưu tiên thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các vùng, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để phát triển các sản phẩm có lợi thế. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất những mô hình sản xuất mới, phù hợp với từng địa phương.

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp. Xử lý chất thải trong chăn nuôi, xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; tạo cơ chế khuyến khích các cơ sở phát triển các sản phẩm sạch và thân thiện với môi trường.

5. Thu hút tối đa các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp, bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước, vốn nhân dân, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác. Ưu tiên nguồn lực đầu tư để thực hiện các chương trình, đề án, dự án sản xuất các sản phẩm chủ lực, các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất như: Hệ thống các công trình thủy lợi; hệ thống giao thông nội đồng; hạ tầng khung các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (*Danh mục các đề án, dự án ưu tiên đầu tư theo phụ lục đính kèm*).

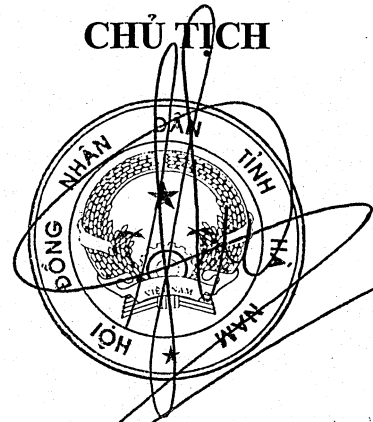
Điều 2. Tổ chức thực hiện:

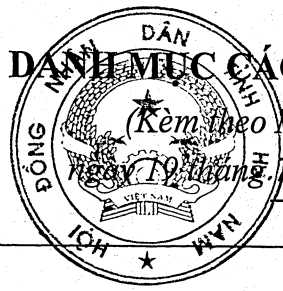
1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khoá XVIII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, NN & PTNT;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở NN&PTNT, Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Phạm Sỹ Lợi**



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, ĐỀ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 15./2017/NQ-HĐND
năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên đề án	Thời gian thực hiện
1	Về lĩnh vực trồng trọt:	
1.1	Đề án phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	2017-2020
1.2	Đề án ứng dụng một số giống cây trồng mới chủ yếu theo hướng sản xuất hàng hóa, quy mô tập trung gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2017-2020.	2017-2020
1.3	Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích đất màu, đất trồng lúa cốt cao khó khăn về nước tưới tỉnh Hà Nam giai đoạn 2017-2020.	2017-2020
1.4	Quy hoạch, lập bản đồ, phân tích chất lượng hóa, lý tính của các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm để sử dụng hiệu quả và có biện pháp cải tạo phù hợp.	2017-2020
1.5	Cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước .	2017-2025
2	Về lĩnh vực chăn nuôi:	
2.1	Đề án Phát triển chăn nuôi lợn xã Ngọc Lũ và các xã lân cận theo hướng VietGAHP, phát triển nhãn hiệu lợn sạch Ngọc Lũ	2017-2025
2.2	Đề án phát triển vùng chăn nuôi gắn với xây dựng chuỗi sản xuất và tiêu thụ gà Móng Tiên Phong.	2017-2025
2.3	Đề án Phát triển chăn nuôi bò sinh sản, bò thịt chất lượng cao	2017-2020
2.4	Đề án phát triển bò sữa	2017-2020
2.5	Đề án xử lý môi trường trong chăn nuôi.	2020-2025
3	Về lĩnh vực Thủy sản:	
3.1	Đề án Phát triển nuôi thâm canh tại các khu NTTS tập trung và các vùng ruộng trũng chuyển đổi	2017-2025
3.2	Đề án phát triển nuôi cá trắm đen hàng hóa và nguyên liệu đặc sản.	2017-2035
4	Về lĩnh vực Lâm nghiệp	
4.1	Đề án Xây dựng một số khu vực làm dịch vụ từ rừng phục vụ nhu cầu tham quan du lịch của xã hội (khu hồ Tam Chúc, hồ Ba Hang, chùa Ông, Chùa Bà Đanh- Kim Bảng; khu núi Kẽm Trống,...).	2025-2035
4.2	Đề án bảo vệ đàn Vooc Mông trắng tại khu rừng tự nhiên huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam diện tích khoảng 1.500-2.000 ha	2017-2025
4.3	Đề án nâng cao năng lực công tác quản lý, bảo vệ rừng tỉnh Hà Nam	2017-2025
5	Về lĩnh vực khác	
5.1	Đề án ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất	2017-2035
5.2	Đề án tích tụ ruộng đất, phát triển sản xuất theo mô hình nhóm hộ, HTX kiểu mới.	2017-2025
5.3	Đề án đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn	2017-2035
5.4	Đề án xây dựng và phát triển mô hình chuỗi sản xuất và tiêu thụ nông sản an toàn.	2017-2025

